

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-PT

Ngày: 08 - 9 - 2026

V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Bà Kiều Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đến
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2026/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2026/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1307/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Hồ Xuân T, sinh ngày 01/01/1975;

1.2. Ông Hoàng M, sinh ngày 04/02/1964 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số F, đường H, khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Xuân T: Ông Hoàng M (có mặt);

Địa chỉ: Số F, đường H, khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2025).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (có văn bản xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, đường C, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Nguyễn Thanh S - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ; Địa chỉ: Số H, đường N, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (có văn bản xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Hoàng Thị Mỹ D, sinh ngày 20/11/1994 (vắng mặt);

3.2. Chị Hoàng Thị Thảo N, sinh ngày 28/01/1998 (vắng mặt);

3.3. Anh Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 04/9/2003(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số F, đường H, khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Hoàng M, bà Hồ Xuân T.

5. Kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M, trong đó ông Hoàng M đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Hồ Xuân T, trình bày:

Từ trước đến nay, gia đình ông có sử dụng diện tích 969m² tiếp giáp với Quốc lộ 30 cũ, đường đất, đá, lòng đường 3m, đến năm 1994 mở rộng và trải nhựa, lòng đường 6m (Nay là đường H, khóm A, phường A, thành phố H), đã được Ủy ban nhân dân huyện H (Nay là Ủy ban nhân dân thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147 QSDĐ/280/QĐ-UB ngày 16/3/2001 diện tích 969m² cho bà Hồ Xuân T.

Năm 2011, Nhà nước lấy đất của gia đình ông để mở rộng Quốc lộ C, nâng lòng đường 9m, mỗi bên mở thêm là 1,5m, nhưng không thu hồi đất, không bồi thường là không phù hợp với pháp luật đất đai. Ông đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã H và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, sau đó ông C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H có mời ông làm việc 1 lần, sau đó vài năm ông N1 - Phó Chủ tịch Ủy ban có mời ông làm việc 1 lần nữa, nhưng đến nay không có quyết định giải quyết (hiện hồ sơ Thanh tra thành phố H đang giữ).

Năm 2022, Nhà nước lấy thêm đất của gia đình ông để xây dựng vỉa hè, mỗi bên khoảng 3m, nhưng không thu hồi đất, không bồi thường là không phù hợp với pháp luật đất đai. Ông khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, ông yêu cầu phải ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường theo Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 47 của Chính phủ vì đất của gia đình ông đang sử dụng và đã được Nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001.

Ngày 24/02/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H ký văn bản số 442/ỦY BAN NHÂN DÂN-HC, về việc trả lời đơn khiếu nại của ông không có cơ sở giải quyết.

Hơn nữa, trong văn bản số 442 của Ủy ban nhân dân thành phố H dựa trên công văn số 211/UBND-ĐTĐ, ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phạm vi không bồi thường dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn C - Hồ N “Thông nhất phạm vi không bồi thường đối với dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn C - Hồ N trên địa bàn thị xã H (Nay là thành phố H) là 15m (tính từ tim đường hiện hữu ra mỗi bên là 7,5m), nhưng trong phạm vi 15m, trong đó có 4,5m đất của ông đang sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ điều kiện bồi thường theo Luật đất đai, nhưng công văn này quy định không bồi thường là trái với pháp luật đất đai.

Ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố H, ngày 19/5/2023 Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND, về việc bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng M về yêu cầu ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường đất cho ông Hoàng M theo pháp luật đất đai, do thực hiện công trình vỉa hè đường H, với lý do là việc khiếu nại của ông Hoàng M không có cơ sở xem xét.

Ông khiếu nại Quyết định số 936/QĐ-UBND đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Chưa có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngày 14/6/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND, về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 19/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và ký thông báo số 1877/TB-UBND, về việc không thụ lý đơn khiếu nại của ông Hoàng M, với lý do là đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại.

Ông gửi đơn khiếu nại và bổ sung giấy ủy quyền các thành viên trong hộ, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H tiếp tục giải quyết khiếu nại của ông với tư cách là người đại diện cho hộ bà Hồ Xuân T.

Ngày 21/8/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ký thông báo số 2967/TB-UBND, về việc thông báo đơn khiếu nại của ông không đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết vì lý do: Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Ông không đồng ý với cách trả lời như trên vì đất này gia đình ông sử dụng trước năm 1975 và năm 2001 đã được Ủy ban nhân dân huyện H (Nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay ông đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147 QSDĐ/280/QĐ-UB ngày 16/3/2001 diện tích 969m² đã cấp cho hộ bà Hồ Xuân T và là người đang trực tiếp sử dụng đất.

Ông đã khiếu nại thông báo số 2967/TB-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ký văn bản số 07/UBND/TCD, về việc trả lời thông báo số 2967/TB-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện cam đoan không đồng thời khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền khác.

Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện yêu cầu huỷ thông báo số 2967/TB-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A) và huỷ văn bản số 07/UBND/TCD ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Tiếp nhận Thông báo số 09/2025/TLST-HC ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp về việc thụ lý vụ án sơ thẩm số 09/2025/TLST-HC ngày 03/11/2025 về "Khiếu kiện quyết định hành chính" theo đơn khởi kiện của bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M, ngụ số F, đường H, khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp. Trong vụ kiện này, bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M yêu cầu Tòa án huỷ công văn số 07/UBND-TCD ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Hoàng M (Người được các thành viên trong hộ ủy quyền).

Qua xem xét, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có ý kiến như sau:

Năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hồ Xuân T, số vào sổ GCN: 02147/QSDĐ/280/QĐ-UB, ngày cấp 16/02/2001, diện tích 969,0m² (trong đó: Diện tích 765,0m² đất ao (hồ), thuộc thửa đất số 361, tờ bản đồ số 21 và diện tích 204,0m² đất ở, thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 21), tọa lạc ấp A, xã A, huyện H (N là phường A), tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2010, Nhà nước thực hiện công trình gia cố lề đường Quốc lộ 30 (đoạn từ cầu M đến cầu K), Ủy ban nhân dân thị xã H tổ chức vận động các hộ dân có đất nằm trong dự án để thực hiện, quy mô công trình gia cố mặt đường láng nhựa thêm 3m, mỗi bên là 1,5 mét; phạm vi thi công công trình tính từ tim đường ra mỗi bên 4,5m (mặt đường láng nhựa từ 06m lên 09m) nằm trong phạm vi thi công Quốc lộ 30 hiện hữu đã có trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do dự án đầu tư Nâng cấp mở rộng mặt nhựa Quốc lộ C chỉ thực hiện hạng mục nâng cấp lề đường đất thành lề đường nhựa, phạm vi thi công nằm trong hành lang an toàn giao thông không mở rộng thêm kích thước đường hiện hữu nên không thực hiện thu hồi đất và tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời không chỉnh lý biến động giảm diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Bà Hồ Xuân T không thống nhất và có đơn khiếu nại.

Ngày 29/8/2011, Văn phòng H và Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành văn bản số 1301/VP-HC về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Hồ Xuân T, với nội dung: Theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân thị xã H quản lý, tim đường Quốc lộ 30

đoạn cầu M đến cầu H mỗi bên 7,5m; từ tim đường Quốc lộ 30 hiện hữu ra mỗi bên 7,5m không đèn bù.

Bà Hồ Xuân T không thống nhất và khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự. Ngày 24/10/2011, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự ban hành thông báo số 02/TB-TA về việc trả lại đơn khởi kiện của bà Hồ Xuân T. Lý do: Chưa có đủ điều kiện để khởi kiện vụ án hành chính.

Ngày 28/10/2011, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự ban hành văn bản số 94/2011/CV-TA về việc trả lại đơn khiếu nại của bà Hồ Xuân T, do bà Hồ Xuân T chưa cung cấp được Quyết định thu hồi đối với diện tích 171m².

Bà Hồ Xuân T không đồng ý và gửi đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ngày 28/02/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 625/QĐ-TA về việc giải quyết đơn khiếu nại, với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Hồ Xuân T đối với thông báo số 02/TB-TA ngày 24/10/2011 “trả lại đơn khởi kiện” và công văn số 94/CV-TA ngày 28/10/2011 “V/v trả lại đơn khiếu nại” của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

Năm 2014, ông Hoàng M (Người được hộ bà Hồ Xuân T ủy quyền) tiếp tục khiếu nại văn bản số 1301/VP-HC ngày 29/8/2011 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã H.

Ngày 18/8/2014, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 361 và số 362, tờ bản đồ số 21 (là 02 thửa đất của hộ bà Hồ Xuân T) thì phần diện tích đất của 02 thửa đất này không bị ảnh hưởng việc thực hiện thi công công trình phạm vi thi công tính từ tim đường mỗi bên là 4,5m (mặt đường nhựa từ 06m lên 09m) vẫn nằm trong phạm vi mặt đường là 11m).

Ngày 10/10/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H ban hành văn bản số 331/PTNMT, nội dung như sau: Trước đây hộ bà Hồ Xuân T được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: 02147/QSD Đ/280/QĐ-UB, ngày cấp 16/3/2001, thửa đất số 361, diện tích 365m² đất nuôi trồng thủy sản; thửa đất số 362, diện tích 204m² đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 21, vị trí thửa đất tiếp giáp Quốc lộ C, kích thước mặt đường Quốc lộ 30 tại vị trí thửa đất nêu trên theo bản đồ 299 được duyệt vào thời điểm đó là 11m (Kèm theo trích lục thửa đất số 1585/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H). Nguyên nhân chênh lệch kích thước giữa Quốc lộ C theo hiện trạng (15m) so với bản đồ 299 là do khi đo đạc lập bản đồ vào thời điểm năm 2000, cán bộ chuyên môn không cập nhật hiện trạng Quốc lộ C lên bản đồ, dẫn đến việc xác lập ranh giới thửa đất chồng lấn lên phạm vi công trình Quốc lộ C, cụ thể tại vị trí đất của bà Hồ Xuân T và ông Hồ Văn N2 chồng lấn lên phạm vi công trình Quốc lộ C mỗi bên là 02m.

Ngày 11/02/2015, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành văn bản số 155/UBND-TCD về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Hồ Xuân T (ủy quyền cho ông Hoàng M), với nội dung: Việc bà Hồ Xuân T không thống nhất nội dung

văn bản số 1301/VP-HC ngày 29/8/2011 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã H, tiếp tục ủy quyền cho ông Hoàng M khiếu nại yêu cầu được bồi thường là hoàn toàn không có cơ sở. Lý do: Việc thực hiện công trình gia cố lề Quốc lộ C, đoạn cầu M đến cầu H (Km86 + 754 đến Km91 + 083) không ảnh hưởng đến phần diện tích đất của Bà.

Ngày 21/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành văn bản số 211/UBND-ĐTĐD về phạm vi không bồi thường dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn C - Hồ N, với nội dung: Trên địa bàn thị xã H, phạm vi không bồi thường là 15m (tính từ tim đường hiện hữu ra mỗi bên là 7,5m).

Ngày 23/11/2022, hộ bà Hồ Xuân T được Sở T (Nay là Sở N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ GCN: CS04684, thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 33, diện tích 740,2m² đất nuôi trồng thủy sản do cấp đổi (ghi chú: Thửa đất có 246,7m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường H), tọa lạc khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đồng thời, cùng ngày 23/11/2022, hộ bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: CS04685, thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 33, diện tích 209,8m², mục đích sử dụng: 204,0m² đất ở và 5,8m² đất trồng cây lâu năm do cấp đổi (ghi chú: Thửa đất có 61,5m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường H), tọa lạc khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Do hộ bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M không thống nhất nhận giấy chứng nhận đã cấp đổi năm 2022 nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H đang giữ và cũng không có thực hiện thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đã cấp năm 2001.

Năm 2022, Nhà nước thực hiện công trình thi công công, vỉa hè đường H, phường A. Vỉa hè đường H có đoạn đi ngang qua tiếp giáp với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 33, do hộ bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M đứng tên trên giấy chứng nhận và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 33, do hộ bà Hồ Xuân T đứng tên trên giấy chứng nhận.

Ngày 07/12/2022, ông Hoàng M có đơn cho rằng Nhà nước lấy đất của gia đình ông (đất tiếp giáp Quốc lộ 30 cũ) vào năm 2011 và năm 2022 để xây dựng vỉa hè và mở rộng hai bên đường nhưng không thu hồi đất, không bồi thường cho gia đình ông; trong khi đất của gia đình ông đã được công nhận và cấp quyền sử dụng đất vào năm 2001. Ông yêu cầu ban hành quyết định thu hồi đất, giải quyết cho gia đình ông.

Ngày 24/02/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành văn bản số 442/UBND-HC về việc trả lời đơn của ông Hoàng M, với nội dung: Căn cứ công văn số 211/UBND-ĐTĐD ngày 21/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về thống nhất phạm vi không bồi thường đối với dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn C - Hồng Ngự trên địa bàn thị xã H là 15m (tính từ tim đường hiện hữu ra mỗi bên là 7,5m).

Ông Hoàng M không thống nhất văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố H và gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H yêu cầu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường cho gia đình ông.

Ngày 19/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND, giải quyết: Bác nội dung khiếu nại yêu cầu của ông Hoàng M. Lý do: Việc khiếu nại của ông là không có cơ sở xem xét.

Ông Hoàng M không thống nhất quyết định giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Vụ việc được Sở T thẩm tra, xác minh và có báo cáo số 328/BC-STNMT ngày 06/9/2023. Theo đó, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; đồng thời, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết lại theo thẩm quyền.

Ngày 04/6/2024, Văn phòng Ủ văn bản số 338/VPUBND-TCD, truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh G Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; đồng thời, giải quyết khiếu nại của ông Hoàng M theo thẩm quyền.

Ngày 14/6/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND, thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng M (lần đầu).

Ngày 24/6/2024, ông Hoàng M (được các thành viên trong hộ bà Hồ Xuân T ủy quyền) gửi đơn khiếu nại yêu cầu ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường cho gia đình ông theo quy định.

Ngày 21/8/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành thông báo số 2967/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Hoàng M (được các thành viên trong hộ ủy quyền). Lý do: Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Ông Hoàng M không thống nhất nội dung thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và tiếp tục khiếu nại.

Trên cơ sở kiểm tra, rà soát, ngày 03/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành văn bản số 07/UBND-TCD về việc trả lời Đơn khiếu nại của ông Hoàng M. Theo đó, nội dung khiếu nại của ông Hoàng M thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại 2011.

*** Bản án hành chính sơ thẩm số:** 03/2026/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ tụng hành chính (Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội); khoản 8, 9, 10 Điều 3; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 11, Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ vào Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1, khoản 5 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Xuân T và ông Hoàng M, về việc yêu cầu huỷ thông báo số 2967/TB-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A) và huỷ văn bản số 07/UBND/TCD ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, người khởi kiện Hồ Xuân T, Hoàng M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ông M.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên kháng nghị số 08/QĐ-VKS-HC ngày 10/7/2026, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng đối tượng khởi kiện, người bị kiện; đồng thời chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến quá trình mở rộng Quốc lộ C qua các thời kỳ, việc Nhà nước thu hồi, bồi thường hoặc vận động người dân hiến đất và diện tích đất thực tế của hộ bà T. Cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành thẩm định, đo đạc thực tế để có cơ sở đối chiếu với lời trình bày của các đương sự. Do đó, có căn cứ xác định cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, chưa đủ cơ sở giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người khởi kiện Hồ Xuân T, Hoàng M nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về đối tượng khởi kiện:

Bà T, ông M yêu cầu hủy Thông báo số 2967/TB-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và Công văn số 07/UBND-TCĐ ngày 03/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Nội dung các văn bản này thể hiện việc cơ quan hành chính không thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà T, ông M liên quan đến việc thu hồi, bồi thường về đất. Do đó, cần xác định đúng bản chất của việc khởi kiện là khiếu kiện hành vi hành chính về việc không thụ lý, giải quyết yêu cầu của người khiếu nại theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Cấp sơ thẩm xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính là chưa phù hợp với nội dung và bản chất của vụ việc.

Về việc xác định người bị kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối tượng bị kiện trong vụ án là Thông báo số 2967 ngày 30/12/2024 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành. Tại thời điểm ban hành Thông báo này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H là người bị kiện trong vụ án. Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân thành phố H được giải thể do thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính; địa giới hành chính thành phố H sau sắp xếp thuộc phường A. Theo quy định về kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng khi cơ quan hành chính có sự thay đổi, giải thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A là cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A là người bị kiện là chưa đúng quy định pháp luật, bởi người bị kiện phải được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, còn Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A là cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng.

[2.2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Bà T, ông M cho rằng trong quá trình Nhà nước nâng cấp, mở rộng Quốc lộ C từ năm 2011 đến nay đã sử dụng một phần đất thuộc các thửa đất số 361, 362 của gia đình nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và không thực hiện bồi thường về đất. Trong khi đó, phía người bị kiện cho rằng việc mở rộng Quốc lộ C là do Nhà nước vận động nhân dân hiến đất, phần diện tích thực hiện mở rộng đường và làm vỉa hè vẫn nằm trong phạm vi Quốc lộ C hiện hữu nên không ảnh hưởng đến diện tích đất đã cấp cho hộ bà T.

Như vậy, để có căn cứ xác định việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H không thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà T, ông M có đúng pháp luật hay không, cần phải làm rõ trước hết việc mở rộng Quốc lộ C qua từng thời kỳ có sử dụng diện tích đất của hộ bà T hay không; nếu có thì diện tích bao nhiêu, việc sử

dụng đất được thực hiện trên cơ sở thu hồi, bồi thường hay trên cơ sở người dân tự nguyện hiến đất.

Hồ sơ vụ án thể hiện các bên có sự khác nhau về quá trình mở rộng Quốc lộ C. Bà T cho rằng Quốc lộ C ban đầu rộng khoảng 03m, sau đó được mở rộng lên khoảng 06m, 09m và 11m; trong khi phía Ủy ban cho rằng Quốc lộ C có chiều rộng 15m và việc mở rộng đường, làm vỉa hè vẫn nằm trong phạm vi Quốc lộ C hiện hữu. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ hồ sơ, tài liệu thể hiện quá trình mở rộng Quốc lộ C qua từng thời kỳ để có căn cứ xác định cụ thể phạm vi, chiều rộng của Quốc lộ C và phần diện tích đất đã được sử dụng để thực hiện công trình.

Đối với việc người bị kiện cho rằng Nhà nước đã vận động các hộ dân hiến đất để mở rộng Quốc lộ C, cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vận động, việc các hộ dân có tự nguyện hiến đất hay không, diện tích hiến đất cụ thể và phần đất của hộ bà T có thuộc diện tích đã hiến hay không. Việc cấp sơ thẩm căn cứ chủ yếu vào lời trình bày của người bị kiện để xác định việc mở rộng Quốc lộ C không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của hộ bà T là chưa đủ cơ sở.

Mặt khác, cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế phần đất của hộ bà T để xác định diện tích, ranh giới đất hiện nay; chưa đối chiếu diện tích thực tế với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phạm vi Quốc lộ C, đường H, phần vỉa hè hiện hữu. Đây là chứng cứ cần thiết để xác định có hay không việc diện tích đất của hộ bà T đã được sử dụng để mở rộng Quốc lộ C, làm vỉa hè như bà T, ông M trình bày.

Việc chưa thu thập đầy đủ hồ sơ về quá trình mở rộng Quốc lộ C, chưa làm rõ việc thu hồi, bồi thường hoặc vận động hiến đất, chưa xác định diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng và chưa thẩm định, đo đạc thực tế dẫn đến chưa có đủ căn cứ khách quan để đánh giá yêu cầu của bà T, ông M có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình hay không. Đồng thời, đây cũng là những chứng cứ có ý nghĩa quyết định đối với việc xem xét tính hợp pháp của hành vi không thụ lý, giải quyết yêu cầu của cơ quan hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng M trình bày lý do ông không nhận các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi ngày 23/11/2022 đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 33, diện tích 740,2m² và thửa đất số 58, tờ bản đồ số 33, diện tích 209,8m² là do trong quá trình đo đạc, cán bộ đo đạc đã xác định, định vị không đúng vị trí thửa đất, dẫn đến phần đất của ông không thể hiện trong diện tích đất bị giải tỏa để thực hiện dự án Quốc lộ C. Đây là tình tiết mới được ông M trình bày tại cấp phúc thẩm và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, xác minh, làm rõ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy những thiếu sót nêu trên liên quan trực tiếp đến nội dung giải quyết vụ án, những vấn đề này cần được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm và không thể khắc phục toàn diện tại cấp phúc thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, cần hủy bản án hành

chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[3] Xét kháng nghị và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên bà T, ông M không phải chịu án phí phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Khu vực X – Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Hồ Xuân T, ông Hoàng M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại bà T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010349 ngày 18/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV X - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV X - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Phong